

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
/ Certificate of Analysis



Xuất bản / ref.: PPT26h272501-966MXBU Ngày / Date: 09/06/2026

Nơi / người gửi mẫu / Customer information

HỘ KINH DOANH TRỊNH THỊ HIẾU

Tổ dân phố Xuân Đông, phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Thông tin mẫu thử nghiệm / Sample information:

SP26h2725-01

Tên mẫu thử / name.: **RƯỢU NGÔ MEN LÁ BA LÀNG TAM XUÂN**

Số lô / LOT no.: 2

Ngày sản xuất / mfg.: 12/2/2026

Nơi sản xuất / mfr.: tổ dân phố Xuân Đông, Tân Tiến, Bắc Ninh

Ngày tiếp nhận / receipt date.: 27/5/2026

Thời gian lưu mẫu / Storage time: Không có mẫu lưu

Ngày thử nghiệm / test date.: 27/5/2026 - 4/6/2026

Mô tả / desc.: Mẫu dạng lỏng, đóng trong chai nhựa, 500ml/chai, trên chai dán thông tin mẫu

STT / No.	Phép thử / Tests	Kết quả / Test result	Đơn vị / Unit	Phương pháp / Protocol	Phạm vi công nhận / Accreditation scope
1.	Ethanol	24,40	%	HDPP54-KN 2023	IRDOP VS
2.	Methanol	KPH(LOD:0,02)	%	HDPP55-KN 2023	IRDOP VS
3.	Furfural	KPH(LOD:0,71)	mg/kg	TCVN 7886:2009	IRDOP
4.	Chì (Pb)	KPH (LOD: 0,006)	mg/L	TCVN 6193:1996	IRDOP

Ghi chú / Note:

KPH: Không phát hiện / Not detected.

LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.

LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantification.

IRDOP: Chỉ tiêu được thực hiện tại IRDOP / Parameters conducted by IRDOP.

EX: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Parameters conducted by subcontractors.

VS: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / Accredited per ISO/IEC 17025:2017.

TĐC: Chỉ tiêu được công nhận đánh giá sự phù hợp theo ND 107/2016/ND-CP / Accredited per Decree 107/2016/ND-CP.

Thông tin mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp / Sample information provided by the customer.

Kết quả chỉ có giá trị với mẫu thử / The results are only valid for the tested sample(s).

TRƯỞNG PHÒNG KIỂM NGHIỆM
PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG / Quality Assurance Manager

Trần Thị Lan



KT. VIÊN TRƯỞNG
PH. VIÊN TRƯỞNG / Vice President

Nguyễn Bá Xuân Trường

